

Số: /QĐ-CĐBT

Bình Thuận, ngày tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng**  
**ngành Giáo dục Mầm non năm 2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-BLĐT BXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập nguyên trạng Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận, Trường Cao đẳng Y tế Bình Thuận vào Trường Cao đẳng Nghề Bình Thuận và đổi tên thành Trường Cao đẳng Bình Thuận;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;*

*Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2023 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023 (tích hợp đề án tổ chức thi tuyển sinh môn năng khiếu).

*(Đề án tuyển sinh kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đơn vị trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Đề án đã được ban hành.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các trường đơn vị trực thuộc có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh BT (để báo cáo);
- Sở GDĐT tỉnh BT (để báo cáo);
- HĐTS;
- Website Trường CĐBT;
- Lưu: VT, ĐT (LP).

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đỗ Huy Sơn**

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG  
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON - NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-CĐBT ngày tháng 5 năm 2023 của  
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Thuận)

**I. Thông tin chung về trường (tính đến thời điểm xây dựng đề án)**

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Cao đẳng Bình Thuận.
2. Mã trường: C47
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu)
  - + Cơ sở đào tạo chính: 05 Tôn Thất Bách, Phú Tài, Phan Thiết, Bình Thuận
  - + Cơ sở 2 : 205 Lê Lợi, Hưng Long, Phan Thiết, Bình Thuận
  - + Cơ sở 3 : 274 Nguyễn Hội, Xuân An, Phan Thiết, Bình Thuận
  - + Cơ sở 4 : 38 Nguyễn Hội, Phú Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://tcdbt.edu.vn/>
5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh)  
<https://www.facebook.com/TruongCaoDangBinhThuan/>
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0252 3828150 hoặc 0911 266 252
7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp  
Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tcdbt.edu.vn/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên					
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	30	36	29	96,55%
<b>Tổng</b>		<b>30</b>	<b>36</b>	<b>29</b>	<b>96,55%</b>

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.tcdtb.edu.vn/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2021 và năm 2022 trường kết hợp thi tuyển và xét tuyển theo đề án tuyển sinh riêng bằng 02 phương thức: Xét điểm thi THPT năm tuyển sinh (60% tổng chỉ tiêu); Xét điểm học bạ lớp 12 (40% tổng chỉ tiêu), kết hợp xét điểm thi năng khiếu tại Trường Cao đẳng Bình Thuận hoặc điểm thi năng khiếu tại các trường ĐH, CĐ khác.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2021			Năm tuyển sinh 2022		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
<b>Khối ngành/ Nhóm ngành I*</b> Ngành Giáo dục Mầm non Tổ hợp: Gồm 02 tổ hợp - M05 (Văn, Sử, Năng khiếu) - M06 (Toán, Văn, Năng khiếu)	Điểm thi THPT năm xét tuyển	150	138	17,0	60	60	20,0
	Điểm học bạ cuối năm lớp 12	100	128	17,0	40	37	22,45
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>250</b>	<b>262</b>		<b>100</b>	<b>97</b>	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tcdtb.edu.vn/>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Giáo dục Mầm non	51140201	7932/QĐ-BGD&ĐT - ĐH&SĐH	29/12/2003	6036/QĐ-BGD&ĐT	24/12/2010		2004	2022

## 10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tcdbt.edu.vn/>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.tcdbt.edu.vn/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo<sup>1</sup> trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.tcdbt.edu.vn/>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.tcdbt.edu.vn/>

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://tuyensinh.tcdbt.edu.vn/> (thời điểm thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

## II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

### 1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

#### 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh

Xét tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú trên toàn tỉnh Bình Thuận, không phân biệt huyện, thị xã, thành phố.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

\* **Phương thức 1:** Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm tuyển sinh với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (60% chỉ tiêu).

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐM1} + \text{ĐM2} + \text{ĐM3} + \text{KV} + \text{ĐT}$$

Trong đó:

ĐM1, ĐM2 là điểm thi tốt nghiệp THPT các môn trong tổ hợp dùng xét tuyển, ĐM3 là điểm thi năng khiếu, không có môn bị điểm liệt theo quy định của Bộ GD&ĐT

KV là điểm ưu tiên khu vực và ĐT là điểm ưu tiên đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

---

<sup>1</sup> Thực hiện từ năm 2023

\* **Phương thức 2:** Kết hợp điểm học bạ cuối năm lớp 12 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển (40% chỉ tiêu).

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = \text{TBM1} + \text{TBM2} + \text{TBM3} + \text{KV} + \text{ĐT}$$

Trong đó:

TBM1, TBM2 là điểm trung bình môn cuối năm lớp 12 của các môn học trong tổ hợp dùng để xét tuyển, TBM3 là điểm thi năng khiếu.

KV là điểm ưu tiên khu vực và ĐT là điểm ưu tiên đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành.

Trong trường hợp có một phương thức không tuyển hết chỉ tiêu, nhà trường chuyển chỉ tiêu cho phương thức còn lại.

Thí sinh dùng điểm môn năng khiếu năm 2023, thi tại Trường Cao đẳng Bình Thuận hoặc kết quả thi năng khiếu tại các trường ĐH, CĐ khác phù hợp với ngành đăng ký để tham gia xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển <sup>2</sup> 1		Tổ hợp xét tuyển 2	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	100	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	60	Văn, Sử, Năng khiếu		Toán, Văn, Năng khiếu	
				200	Kết hợp điểm học bạ cuối năm lớp 12 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	40	Văn, Sử, Năng khiếu		Toán, Văn, Năng khiếu	

<sup>2</sup> Tổ hợp xét tuyển được hiểu là tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo.

### 1.5. Ngưỡng đầu vào

+ Đối với Phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm tuyển sinh với điểm thi năng khiếu để xét tuyển: Theo ngưỡng do Bộ GD&ĐT công bố trong năm tuyển sinh.

+ Đối với Phương thức kết hợp điểm học bạ cuối năm lớp 12 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển: Học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

+ Điểm thi năng khiếu dùng để xét tuyển từ 5,0 trở lên đối với tất cả phương thức xét tuyển.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường (Mã trường, mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển)

Mã trường: C47

NGÀNH	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Giáo dục Mầm non	M05	Văn, Sử, Năng khiếu
	M06	Toán, Văn, Năng khiếu

Điều kiện phụ xét tuyển: Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách thì thứ tự ưu tiên như sau:

- Ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.
- Ưu tiên thí sinh có tổng điểm 02 môn văn hoá thuộc tổ hợp xét tuyển cao hơn.

1.7. Tổ chức tuyển sinh (Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển)

#### 1.7.1. Thi tuyển sinh môn năng khiếu

- Ngày thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non:
  - + Đợt 1: Ngày 15/7/2023.
  - + Đợt 2: Ngày 16/09/2023 (nếu có).
- Hướng dẫn đăng ký chi tiết tại Thông báo Thi tuyển sinh và công khai tại <https://tuyensinh.tcdbt.edu.vn/>
- Thi tuyển sinh môn năng khiếu theo Quy chế thi tuyển sinh môn năng khiếu của Trường.
- Kết quả thi năng khiếu được dùng để xét tuyển các đợt tuyển sinh.

#### 1.7.2. Tổ chức xét tuyển

##### **Đợt 1:**

- Thời gian tuyển sinh: Theo Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Hồ sơ và cách thức đăng ký xét tuyển Đợt 1:

+ Thí sinh xét tuyển ở các phương thức thực hiện đăng ký trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

+ Lưu ý: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2022 trở về trước liên hệ Trường THPT hoặc Sở GD&ĐT để được cấp tài khoản đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo Quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Thời gian đăng ký trực tuyến: Theo Kế hoạch triển khai của Bộ GD&ĐT.

### **Đợt 2 (nếu có):**

- Thời gian tuyển sinh: từ ngày 07/09 đến 22/9/2023.

- Hồ sơ và cách thức đăng ký xét tuyển Đợt 2:

1) *Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của trường)*

2) ***Bản photo có chứng thực các giấy tờ sau:***

+ Học bạ THPT (nếu thí sinh xét điểm học bạ cuối năm lớp 12) hoặc Phiếu kết quả thi tốt nghiệp THPT 2023 (nếu thí sinh xét phương thức điểm thi THPT năm 2023);

+ Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (*nếu tốt nghiệp THPT năm 2023*);

+ *CCCD hoặc xác nhận thường trú của cơ quan có thẩm quyền;*

+ Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (*nếu có*);

+ Minh chứng điểm xét tuyển tốt nghiệp THPT (nếu thí sinh tốt nghiệp từ 2022 trở về trước sử dụng ngưỡng đầu vào là điểm xét tuyển tốt nghiệp từ 6,5 trở lên).

+ Kết quả thi năng khiếu 2023 (đối với thí sinh thi năng khiếu tại các trường ĐH, CĐ khác).

### 1.7.3. Địa điểm và phương thức nộp hồ sơ

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường hoặc gửi qua bưu điện đến:

Bộ phận tuyển sinh – Trường Cao đẳng Bình Thuận.

Địa chỉ: số 05 Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại: 0252 3828150 hoặc 0911 266 252

Email: phongdt@tcdbt.edu.vn Website: <https://tuyensinh.tcdbt.edu.vn/>

### 1.8. Chính sách ưu tiên (Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển)

Xét tuyển thẳng đối với các thí sinh đáp ứng các điều kiện sau:

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Thí sinh có nơi thường trú tại Bình Thuận;
- Thí sinh có bằng trung cấp ngành Sư phạm Mầm non loại giỏi trở lên, hoặc có bằng trung cấp ngành Sư phạm Mầm non loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thẳng;
- Chỉ tiêu tuyển thẳng chiếm tối đa 5% tổng chỉ tiêu. Nếu số thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá chỉ tiêu thì ưu tiên chọn thí sinh có kết điểm tổng kết toàn khoá ngành Sư phạm mầm non, trình độ trung cấp, theo thứ tự từ cao đến thấp.

#### 1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển trực tuyến: Theo quy định chung.
- Lệ phí xét tuyển đợt 2: 30.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của UBND Tỉnh.

#### 1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Đợt 1: Theo kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Đợt 2: Dự kiến từ ngày 07/09/2023 đến ngày 22/09/2023.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo: Không có.

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học: Không có.

#### 1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường

Nhà nước cấp bù 100%.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 9.000.000 đ/năm.

1.15. Các nội dung khác: Không có.

### **2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên**

Không có.

### **III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm**

Không có.

#### **IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa**

Không có.

#### **V. Đề án tổ chức thi tuyển sinh môn năng khiếu - Ngành Giáo dục Mầm non, trình độ Cao đẳng**

##### **1. Mục đích, tính chất của kỳ thi**

Kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu của Trường Cao đẳng Bình Thuận là kỳ thi bổ trợ nhằm mục đích đánh giá năng khiếu, năng lực phù hợp với ngành Giáo dục mầm non của thí sinh, làm căn cứ để xét tuyển kết hợp với quả thi tốt nghiệp THPT/kết quả học tập cấp THPT.

##### **2. Kế hoạch tổ chức thi**

###### **2.1. Thời gian tổ chức thi môn năng khiếu**

- Đợt 1: ngày 15/7/2023

- Đợt 2: Dự kiến ngày 16/9/2023 (nếu có)

**2.2. Địa điểm tổ chức:** Cơ sở 2, Trường Cao đẳng Bình Thuận, số 205 Lê Lợi, phường Hưng Long, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**2.3. Hình thức thi:** Thực hành

**2.4. Nội dung thi:** Thí sinh thi đủ 3 nội dung sau:

- Nội dung thứ nhất: Đọc diễn cảm. Thí sinh đọc diễn cảm văn bản theo yêu cầu của đề thi.

- Nội dung thứ hai: Kể chuyện. Thí sinh tự chuẩn bị và trình bày một câu chuyện có nội dung phù hợp với lứa tuổi mầm non và có ý nghĩa giáo dục.

- Nội dung thứ ba: Hát tự chọn. Thí sinh tự chuẩn bị và trình bày một bài hát có lời Việt theo các chủ đề: Quê hương, đất nước, mái trường, thầy cô, thiếu nhi. (Những bài hát được phép phổ biến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

##### **3. Điều kiện tổ chức thi**

###### **3.1. Cơ sở vật chất**

Trường có 04 cơ sở đào tạo, với hơn 90 phòng học các loại trong đó có phòng thực hành Giáo dục mầm non. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hiệu quả cho thực hiện các quy trình trong công tác tổ chức thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non.

### 3.2. Đội ngũ nhà giáo

- Trường có bộ phận chuyên trách công tác khảo thí đủ năng lực quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ quy trình của công tác thi; có quy trình phân công trách nhiệm các bộ phận tham gia tổ chức kỳ thi đảm bảo, khoa học, hiệu quả, độc lập, khách quan giữa các bộ phận tổ chức thi.

- 100% đội ngũ nhà giáo ra đề thi tuyển sinh các môn năng khiếu ngành Giáo dục mầm non có trình độ Thạc sĩ và có thâm niên giảng dạy ngành Giáo dục Mầm non trên 15 năm.

- Viên chức tham gia công tác tổ chức kỳ thi có nhiều năm kinh nghiệm, có phẩm chất trung thực, đạo đức tốt; viên chức phụ trách công nghệ thông tin, đội ngũ nhà giáo ra đề thi, chấm thi, có trình độ chuyên môn cao.

### 4. Quy chế thi tuyển sinh

Quy chế Thi tuyển sinh năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng đã được xây dựng và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tcdbt.edu.vn/>

### 5. Hồ sơ, kinh phí, phương thức đăng ký dự thi

#### 5.1. Thành phần hồ sơ

- Phiếu đăng ký dự thi (*tải mẫu phiếu tại <https://tuyensinh.tcdbt.edu.vn/>*);
- 03 ảnh 2x3 kiểu chứng minh thư, chụp trong vòng 6 tháng;

#### 5.2. Lệ phí thi tuyển các môn năng khiếu

Lệ phí dự thi: 300.000đ/thí sinh

#### 5.3. Phương thức nộp hồ sơ

Nộp hồ sơ và lệ phí nộp trực tiếp tại trường hoặc nộp qua bưu điện đến:

- Địa chỉ: Bộ phận tuyển sinh, Trường Cao đẳng Bình Thuận.

Số 05 Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Lưu ý: thí sinh có thể nộp lệ phí bằng cách chuyển khoản

Thông tin tài khoản Trường Cao đẳng Bình Thuận: 119000042569 tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Bình Thuận.

(Thí sinh ghi nội dung “Họ và tên, ngày tháng năm sinh, ĐTDĐ” - Ví dụ: *Nguyen Thi A 01/01/2004 0123456789*)

5.4. Thông tin liên hệ

Bộ phận tuyển sinh, Trường Cao đẳng Bình Thuận

- Địa chỉ: số 05 Tôn Thất Bách, phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Điện thoại: (0252) 3835 323 - 0911 266 252.

- Website: <https://tcdbt.edu.vn/>.

*Bình Thuận, ngày tháng năm 2023*

**NGƯỜI KÊ KHAI**

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trung**  
ĐT: 0984971127 – Email:  
trungnv@tcdbt.edu.vn

**Đỗ Huy Sơn**

**Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng****CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

(Kèm theo Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, năm 2023 của Trường Cao đẳng Bình Thuận)

**1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022**

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			0
1	Tiến sĩ			
2	Thạc sĩ			
B	ĐẠI HỌC			0
3	Đại học chính quy			0
3.1	Chính quy			0
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
4	Đại học vừa làm vừa học			0
4.1	Vừa làm vừa học			
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
5	Từ xa			
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			564
6	Cao đẳng chính quy			564
6.1	Chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	564

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			0
7.1	Vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	51140201	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	0

## 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường : 9,11 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : 1200 chỗ

- Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>		
1.1	Số phòng học dưới 25 chỗ	14	977
1.2	Phòng học từ 25 - 75 chỗ	46	2.496
1.3	Phòng học từ 75 – dưới 100 chỗ	3	294
1.4	Giảng đường từ 100 chỗ trở lên	4	600
1.5	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	718
1.6	Số phòng học đa phương tiện	9	1.000
1.7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	37	1.480
2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	4	1.372

3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	57	5248
<b>Tổng</b>			<b>14.185</b>

## 2.2. Các thông tin khác

*Thống kê phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị*

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành
1	Phòng thực hành Âm nhạc	Đàn Casio, đàn Yamaha, Tivi, máy vi tính, ghitarè thùng, loa vi tính, amly...	Giáo dục Mầm non
2	Phòng thực hành TDTT	Nệm nhảy cao, xà nhảy, trống, cột và lưới bóng chuyền,..	Giáo dục Mầm non
3	Phòng thực hành Mầm non	Trang bị đầy đủ theo mô hình lớp học tại Trường mầm non.	Giáo dục Mầm non

Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	- Sách: 21.688 đầu sách/78.065 quyển - Báo, tạp chí: 8 tên - Ebook TV số: 3.639 đầu sách - Các VB pháp luật tại: Thư viện pháp luật
2	Nhóm ngành II	
3	Nhóm ngành III	
4	Nhóm ngành IV	
5	Nhóm ngành V	

## 3. Danh sách giảng viên

### 3.1. Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Cao đẳng	Đại học
1	Hoàng Cao Anh		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
2	Trần Thị Ngọc Anh		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
3	Nguyễn Văn Bảo		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
4	Lê Thị Uyên Bích		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
5	Trần Thị Có		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
6	Trần Thị Ngọc Diễm		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
7	Nguyễn Thị Diễm		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
8	Trần Việt Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non	
9	Đặng Thị Hiệp Định		Thạc sĩ	Xã hội học	Giáo dục Mầm non	
10	Lê Cao Đồng		Đại học	Triết học	Giáo dục Mầm non	
11	Trần Thị Hà		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
12	Nguyễn Thị Hồng Hà		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
13	Trần Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
14	Nguyễn Văn Hải		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục	Giáo dục Mầm non	
15	Đoàn Ngọc Hậu		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
16	Nguyễn Thị Minh Hiền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
17	Trần Huy Hoàng		Đại học	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Mầm non	
18	Nguyễn Thị Kim Hồng		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Giáo dục Mầm non	
19	Đặng Ngọc Hùng		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Giáo dục Mầm non	
20	Võ Văn Hùng		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
21	Võ Yên Hùng		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non	
22	Đào Thị Xuân Hương		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Giáo dục Mầm non	
23	Huỳnh Thị Xuân Kiều		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
24	Ngô Lâm Nhật Khánh		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giáo dục Mầm non	
25	Phù Thị Khánh		Đại học	Luật kinh tế	Giáo dục Mầm non	
26	Phạm Thúy Nhược Lan		Thạc sĩ	Kinh tế học	Giáo dục Mầm non	
27	Trần Thị Mai Lan		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	

28	Trần Thị Trọng Lễ		Đại học	Tâm lý học giáo dục	Giáo dục Mầm non	
29	Nguyễn Thị Thanh Liêm		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
30	Nguyễn Văn Mạnh		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non	
31	Ngô Trường Minh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
32	Ngô Hoài Minh		Đại học	Hội họa	Giáo dục Mầm non	
33	Huỳnh Thị Yên Ngọc		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
34	Phạm Hoàng Hải Ngọc		Thạc sĩ	Địa lý học	Giáo dục Mầm non	
35	Phạm Thảo Nguyên		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
36	Võ Phan Thảo Nguyên		Đại học	Kỹ thuật nữ công	Giáo dục Mầm non	
37	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
38	Lê Hồng Phương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Giáo dục Mầm non	
39	Trần Thị Loan Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
40	Phạm Hồng Phương		Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	Giáo dục Mầm non	
41	Vũ Quang		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
42	Nguyễn Thị Thanh Tiên		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
43	Trịnh Thị Thủy Tiên		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
44	Trần Thị Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
45	Phạm Thị Ái Thùy		Thạc sĩ	Văn học	Giáo dục Mầm non	
46	Nguyễn Trần Linh Trang		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục (Giáo dục Mầm non)	Giáo dục Mầm non	
47	Nguyễn Ngọc Thùy Trang		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
48	Trần Thị Thảo Trang		Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
49	Mai Ngọc Thanh Trâm		Đại học	Kỹ thuật nữ công	Giáo dục Mầm non	
50	La Minh Trọng		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
51	Phạm Thị Thanh Trường		Đại học	Luật	Giáo dục Mầm non	
52	Tô Thanh Vĩ		Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
53	Nguyễn Thị Thanh Xuân		Thạc sĩ	Việt Nam học	Giáo dục Mầm non	
54	Đỗ Thị Hoàng Xuân		Đại học	Giáo dục Đặc biệt	Giáo dục Mầm non	
1	Hoàng Cao Anh		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
2	Trần Thị Ngọc Anh		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
3	Nguyễn Văn Bảo		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	

4	Lê Thị Uyên Bích		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
5	Trần Thị Có		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
6	Trần Thị Ngọc Diễm		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
7	Nguyễn Thị Diễm		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
8	Trần Việt Dũng		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non	
9	Đặng Thị Hiệp Định		Thạc sĩ	Xã hội học	Giáo dục Mầm non	
10	Lê Cao Đồng		Đại học	Triết học	Giáo dục Mầm non	
11	Trần Thị Hà		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
12	Nguyễn Thị Hồng Hà		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
13	Trần Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Sư phạm Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
14	Nguyễn Văn Hải		Thạc sĩ	Tâm lý học giáo dục	Giáo dục Mầm non	
15	Đoàn Ngọc Hậu		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
16	Nguyễn Thị Minh Hiền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giáo dục Mầm non	
17	Trần Huy Hoàng		Đại học	Giáo dục Chính trị	Giáo dục Mầm non	
18	Nguyễn Thị Kim Hồng		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Giáo dục Mầm non	
19	Đặng Ngọc Hùng		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Giáo dục Mầm non	
20	Võ Văn Hùng		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
21	Võ Yên Hùng		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non	
22	Đào Thị Xuân Hương		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Giáo dục Mầm non	
23	Huỳnh Thị Xuân Kiều		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
24	Ngô Lâm Nhật Khánh		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giáo dục Mầm non	
25	Phù Thị Khánh		Đại học	Luật kinh tế	Giáo dục Mầm non	
26	Phạm Thúy Nhược Lan		Thạc sĩ	Kinh tế học	Giáo dục Mầm non	
27	Trần Thị Mai Lan		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
28	Trần Thị Trọng Lễ		Đại học	Tâm lý học giáo dục	Giáo dục Mầm non	
29	Nguyễn Thị Thanh Liêm		Thạc sĩ	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
30	Nguyễn Văn Mạnh		Đại học	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Mầm non	
31	Ngô Trường Minh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
32	Ngô Hoài Minh		Đại học	Hội họa	Giáo dục Mầm non	
33	Huỳnh Thị Yến Ngọc		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	

34	Phạm Hoàng Hải Ngọc		Thạc sĩ	Địa lý học	Giáo dục Mầm non	
35	Phạm Thảo Nguyên		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
36	Võ Phan Thảo Nguyên		Đại học	Kỹ thuật nữ công	Giáo dục Mầm non	
37	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Đại học	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
38	Lê Hồng Phương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Giáo dục Mầm non	
39	Trần Thị Loan Phương		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
40	Phạm Hồng Phương		Thạc sĩ	Văn học nước ngoài	Giáo dục Mầm non	
41	Vũ Quang		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
42	Nguyễn Thị Thanh Tiên		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
43	Trịnh Thị Thủy Tiên		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
44	Trần Thị Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
45	Phạm Thị Ái Thùy		Thạc sĩ	Văn học	Giáo dục Mầm non	
46	Nguyễn Trần Linh Trang		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
47	Nguyễn Ngọc Thùy Trang		Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
48	Trần Thị Thảo Trang		Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
49	Mai Ngọc Thanh Trâm		Đại học	Kỹ thuật nữ công	Giáo dục Mầm non	
50	La Minh Trọng		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
51	Phạm Thị Thanh Trường		Đại học	Luật	Giáo dục Mầm non	
52	Tô Thanh Vĩ		Đại học	Sư phạm Sinh học	Giáo dục Mầm non	
53	Nguyễn Thị Thanh Xuân		Thạc sĩ	Việt Nam học	Giáo dục Mầm non	
54	Đỗ Thị Hoàng Xuân		Đại học	Giáo dục Đặc biệt	Giáo dục Mầm non	

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Không